TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:143/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13- 9 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**
2. Ông **Phan Thanh Xuyên.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 340/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:223/2023/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Trần Thanh K** – sinh ngày: 01/01/1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Lê Thanh M** - sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp D, xã A, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Thanh K có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2023 ông Trần Thanh K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thanh M do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau ngày cưới vợ chồng ông sống riêng tự lập. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 22 năm đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cải, tự ý bà M bỏ nhà đi không có nói lại với ông. Ông và bà M đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 30/8/2002. Anh T đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần Thanh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Ông Trần Thanh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà M đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ án. Xét việc vắng mặt của bà M không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông K có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân và gia đình giữa ông K và bị đơn bà M, bà M có nơi cư trú tại ấp An Lạc 1, xã Trung An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn ông K có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công Ki chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông K. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà M vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà M do mai mối rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 9/9/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo ông K trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 22 năm đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cự cải, tự ý bà M bỏ nhà đi không có nói lại với ông K. Ông K và bà M không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông K yêu cầu ly hôn với bà M, bà M vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K.

Về con chung: Ông K và bà M có 01 con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 30/8/2002. Anh T đã thành niên, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh K.

Về hôn nhân: Cho ông Trần Thanh K được ly hôn với bà Lê Thanh M.

Về con chung: Ông Trần Thanh K và bà Lê Thanh M có 01 con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 30/8/2002. Anh Trần Nhật T đã thành niên, ông Trần Thanh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trần Thanh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Lê Thanh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông Trần Thanh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Lê Thanh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Trần Thanh K đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0009574, ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Ông Trần Thanh K đã nộp đủ.

T hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh